

KẾ HOẠCH

Thực hiện Đề án “Đổi mới, phát triển trợ giúp xã hội giai đoạn 2017-2025 và tầm nhìn đến năm 2030” theo Quyết định số 488/QĐ-TTg ngày 14/4/2016 của Thủ tướng Chính phủ

Thực hiện Quyết định số 488/QĐ-TTg ngày 14/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án “Đổi mới, phát triển trợ giúp xã hội giai đoạn 2017-2025 và tầm nhìn đến năm 2030”. Căn cứ tình hình thực tế của địa phương, UBND tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Đề án “Đổi mới, phát triển trợ giúp xã hội giai đoạn 2017-2025 và tầm nhìn đến 2030” trên địa bàn tỉnh gồm những nội dung sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu giai đoạn 2017 - 2020

a) 100% số đối tượng gặp khó khăn đột xuất được trợ giúp kịp thời; mở rộng đối tượng là người cao tuổi có hoàn cảnh khó khăn, không có lương hưu và trợ cấp của Nhà nước sống ở vùng núi, vùng hải đảo, vùng dân tộc thiểu số được hưởng trợ cấp xã hội.

b) 50% người có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn được cung cấp dịch vụ trợ giúp xã hội phù hợp với nhu cầu, trong đó có tối thiểu 10% đối tượng được cung cấp dịch vụ trợ giúp xã hội toàn diện.

2. Mục tiêu giai đoạn 2021 - 2025

a) 100% số đối tượng gặp khó khăn đột xuất được trợ giúp kịp thời; điều chỉnh nâng mức trợ cấp xã hội hàng tháng kịp thời; tổ chức triển khai áp dụng các chính sách trợ giúp đối với trẻ em dưới 36 tháng tuổi, phụ nữ mang thai thuộc hộ nghèo, cận nghèo, hộ có hoàn cảnh khó khăn sống ở vùng núi, vùng hải đảo, vùng dân tộc thiểu số theo quy định của cấp có thẩm quyền; tiếp tục áp dụng mở rộng diện người cao tuổi không có lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội được hưởng trợ cấp xã hội.

b) 70% người có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn được cung cấp dịch vụ trợ giúp xã hội phù hợp với nhu cầu, trong đó tối thiểu 30% đối tượng được cung cấp dịch vụ trợ giúp xã hội toàn diện.

3. Tầm nhìn đến năm 2030

a) 100% đối tượng gặp khó khăn đột xuất được trợ giúp kịp thời; áp dụng mở rộng diện người cao tuổi không có lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội của Nhà nước, trẻ em dưới 36 tháng tuổi, phụ nữ mang thai thuộc hộ nghèo, cận nghèo, hộ có hoàn cảnh khó khăn sống ở vùng núi, vùng hải đảo, vùng dân tộc thiểu số theo quy định của cấp có thẩm quyền được hưởng trợ cấp xã hội; mức trợ cấp xã hội được điều chỉnh phù hợp với khả năng của ngân sách và xu hướng quốc tế.

b) 90% người có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn được cung cấp dịch vụ trợ giúp xã hội phù hợp với nhu cầu, trong đó tối thiểu 50% đối tượng được cung cấp dịch vụ trợ giúp xã hội toàn diện.

II. ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN

1. Đối tượng: Kế hoạch thực hiện Đề án “Đổi mới, phát triển trợ giúp xã hội giai đoạn 2017-2025 và tầm nhìn đến năm 2030”, được áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân, cán bộ công chức, viên chức và các đối tượng được trợ giúp xã hội theo quy định của pháp luật.

2. Phạm vi: Kế hoạch thực hiện Đề án “Đổi mới, phát triển trợ giúp xã hội giai đoạn 2017-2025 và tầm nhìn đến năm 2030”, được triển khai thực hiện trên toàn tỉnh.

3. Thời gian thực hiện:

a) Năm 2017: UBND tỉnh, các sở, ngành, đoàn thể cấp tỉnh, các địa phương ban hành Kế hoạch thực hiện giai đoạn 2017 - 2020.

b) Năm 2020: Đánh giá giữa kỳ; tổ chức sơ kết Kế hoạch giai đoạn 2017 - 2020; xây dựng kế hoạch thực hiện giai đoạn 2021 - 2025.

c) Năm 2025: Đánh giá cuối kỳ; tổ chức tổng kết Kế hoạch thực hiện Quyết định số 488/QĐ-TTg ngày 14/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án “Đổi mới, phát triển trợ giúp xã hội giai đoạn 2017-2025 và tầm nhìn đến năm 2030”.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo và quản lý của các cấp ủy đảng, chính quyền địa phương để phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị, tạo sự đồng thuận của người dân trong việc thực hiện các chủ trương, chính sách trợ giúp xã hội. Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của đội ngũ cán bộ các cấp trong chỉ đạo, huy động nguồn lực và thực hiện trợ giúp xã hội.

2. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng, Nhà nước về trợ giúp xã hội, vận động xã hội nhằm thay đổi cách thức trợ giúp theo hướng tiên tiến, nâng cao nhận thức về trách nhiệm của gia đình, Nhà nước và xã hội trong việc bảo vệ, chăm sóc và trợ giúp đối tượng trợ giúp xã hội.

3. Thực hiện tốt các chính sách, pháp luật về trợ giúp xã hội:

a) Triển khai thực hiện các chính sách, pháp luật về trợ giúp xã hội với phương châm công khai, minh bạch, đúng, đủ, kịp thời. Phần đầu đạt được sự đồng thuận, mức độ hài lòng ngày càng cao của đối tượng thụ hưởng.

b) Nghiên cứu, đề xuất một số chính sách đặc thù của tỉnh để trợ cấp xã hội theo hướng mở rộng đối tượng thụ hưởng, phù hợp với tình hình phát triển kinh tế- xã hội của địa phương.

c) Nghiên cứu, xây dựng trình cấp có thẩm quyền xem xét, ban hành một số định mức của địa phương để trợ giúp khẩn cấp theo hướng dựa trên mức độ thiệt hại, mức độ tổn thương, hoàn cảnh cụ thể và khả năng khắc phục rủi ro của cá nhân, hộ gia đình bị ảnh hưởng bởi thiên tai, hỏa hoạn, mất mùa, dịch bệnh, tác động của biến

đổi khí hậu, tai nạn lao động, tai nạn giao thông, nạn nhân của bạo lực gia đình, phụ nữ và trẻ em bị mua bán.

đ) Xây dựng một số chính sách của tỉnh để kịp thời khuyến khích các tổ chức, cá nhân, gia đình, cộng đồng tham gia trợ giúp khẩn cấp; lồng ghép trợ giúp khẩn cấp với các chương trình, kế hoạch liên quan ở các vùng thường xuyên bị thiên tai, bão lụt, tác động của biến đổi khí hậu có sự hỗ trợ của Nhà nước.

4. Công tác quản lý nhà nước về trợ giúp xã hội:

a) Tăng cường công tác cải cách thủ tục hành chính theo hướng rút ngắn thời gian, quy trình giải quyết chính sách trợ giúp xã hội dựa vào nhu cầu của người dân bảo đảm công khai, minh bạch.

b) Đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, giải quyết, chi trả trợ giúp xã hội, tích hợp dần các chính sách trợ giúp xã hội với các chính sách an sinh xã hội khác theo lộ trình thích hợp.

c) Định kỳ tổ chức các khóa tập huấn, bồi dưỡng để nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ quản lý, nhân viên làm công tác trợ giúp xã hội.

d) Thường xuyên tổ chức các đợt kiểm tra, giám sát, đánh giá thực hiện chính sách trợ giúp xã hội, đặc biệt chính sách trợ cấp xã hội, quản lý các cơ sở trợ giúp xã hội và các chính sách có liên quan.

5. Phát triển mạng lưới các cơ sở trợ giúp xã hội phù hợp với chiến lược, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; phát huy năng lực, hiệu quả của các cơ sở trợ giúp xã hội hiện có, hỗ trợ các cơ sở trợ giúp xã hội công lập có đủ điều kiện trợ giúp toàn diện cho các đối tượng có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn. Phấn đấu xây dựng mô hình cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp xã hội toàn diện, hướng đến năm 2030 cứ 5.000 người dân có một nhân viên công tác xã hội, nhân viên trợ giúp xã hội chuyên nghiệp.

6. Huy động, sử dụng nguồn lực trợ giúp xã hội:

a) UBND tỉnh phân bổ ngân sách trợ giúp xã hội căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ và tình hình thực tế của các sở, ban, ngành và địa phương; đảm bảo để thực hiện các chính sách hiện hành.

b) Ngân sách trung ương, ngân sách địa phương hỗ trợ chi phí cho đối tượng sử dụng dịch vụ trợ giúp xã hội tại các cơ sở trợ giúp xã hội công lập và một số cơ sở ngoài công lập có đủ điều kiện cung cấp theo khung giá và danh mục dịch vụ sự nghiệp công được pháp luật quy định.

c) Đẩy mạnh xã hội hóa, đa dạng hóa nguồn lực thực hiện trợ giúp xã hội, nhất là trợ giúp khẩn cấp.

7. Tranh thủ sự hợp tác với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước về kỹ thuật, kinh nghiệm và nguồn lực để triển khai các hoạt động của Kế hoạch.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

- Kinh phí thực hiện Kế hoạch được bố trí từ ngân sách nhà nước theo phân cấp hiện hành và huy động từ sự đóng góp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật.

- Riêng phần kinh phí tập huấn, đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ quản lý, nhân viên, cộng tác viên, gia đình đối tượng; hỗ trợ sửa chữa,

mua sắm nhỏ cho cơ sở trợ giúp xã hội và các mô hình được thực hiện lồng ghép với các Kế hoạch của UBND tỉnh đã ban hành để thực hiện đến năm 2020, cụ thể:

- Kế hoạch số 102/KH-UBND ngày 20/9/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế về triển khai Quyết định 647/QĐ-TTg ngày 26/04/2013 của Thủ tướng Chính phủ;

- Kế hoạch số 37/KH-UBND ngày 14/3/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về thực hiện Đề án trợ giúp xã hội và phục hồi chức năng cho người tâm thần, người rối nhiễu tâm trí dựa vào cộng đồng giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế;

- Kế hoạch 169/KH-UBND ngày 18/11/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế về thực hiện Đề án phát triển nghề công tác xã hội giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

Từ năm 2021, các nội dung này được bố trí dự toán từ ngân sách nhà nước theo Kế hoạch thực hiện Đề án “Đổi mới, phát triển trợ giúp xã hội tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2017-2025 và tầm nhìn đến 2030.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội: Là cơ quan chủ trì, giúp UBND tỉnh triển khai, tổ chức thực hiện Kế hoạch trên địa bàn tỉnh.

- Chủ trì, phối hợp với các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, các sở, ngành, và UBND các huyện, thị xã, thành phố Huế xây dựng mô hình thí điểm cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp xã hội toàn diện; xây dựng thí điểm “Quỹ trợ giúp khẩn cấp”, sau khi có hướng dẫn của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội và các Bộ, ngành có liên quan. Tổ chức đánh giá, tổng kết và nhân rộng mô hình;

- Hướng dẫn, tổ chức, triển khai, điều phối, kiểm tra, giám sát thực hiện các hoạt động của đề án và định kỳ báo cáo kết quả thực hiện cho UBND tỉnh và Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội;

- Phối hợp với các cơ quan chức năng tổ chức khảo sát, rà soát, thống kê, phân loại các nhóm đối tượng trợ giúp xã hội trên địa bàn tỉnh làm cơ sở đánh giá tình hình biến động cũng như xây dựng các giải pháp thực hiện có hiệu quả trong thời gian tới.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư: Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và các sở, ngành, cơ quan liên quan tham mưu vận động các nguồn lực, bố trí kinh phí ngân sách Trung ương cân đối cho tỉnh hàng năm theo đúng quy định; tham mưu trình cấp có thẩm quyền hỗ trợ ngân sách tỉnh cho các nội dung chi để thực hiện kế hoạch; lồng ghép các mục tiêu, chỉ tiêu của kế hoạch vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm của tỉnh.

3. Sở Tài Chính: Chủ trì, phối hợp với Sở Lao động-Thương binh và Xã hội căn cứ khả năng ngân sách nhà nước bố trí ngân sách thực hiện Đề án trong dự toán ngân sách hàng năm của tỉnh theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước; Chủ trì hướng dẫn, kiểm tra quyết toán việc sử dụng kinh phí đúng quy định.

4. Sở Thông Tin và Truyền Thông, Sở Tư pháp, Báo Thừa Thiên Huế, Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh đẩy mạnh hoạt động tuyên truyền, phổ biến quan điểm

chủ trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước về trợ giúp xã hội, vận động xã hội nhằm thay đổi cách thức trợ giúp xã hội theo hướng tiên tiến, hiệu quả, nâng cao nhận thức về trách nhiệm của gia đình, Nhà nước và xã hội trong việc bảo vệ, chăm sóc và trợ giúp đối tượng trợ giúp xã hội.

5. Các sở, ban, ngành liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao có trách nhiệm triển khai thực hiện nhiệm vụ của Kế hoạch.

6. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức thành viên, các tổ chức liên quan trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình tham gia tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch.

7. UBND thành phố Huế, các thị xã và các huyện:

- Tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch phù hợp với chương trình và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương;

Lồng ghép việc thực hiện có hiệu quả Kế hoạch với các chương trình khác có liên quan trên địa bàn;

- Chủ động bố trí ngân sách, nhân lực để thực hiện Kế hoạch;

- Theo dõi, tổ chức kiểm tra, giám sát và báo cáo việc thực hiện Kế hoạch;

- Định kỳ hàng năm báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch về UBND tỉnh (qua Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tổng hợp).

VI. CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

1. UBND thành phố Huế, các thị xã và các huyện, thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể liên quan căn cứ văn bản hướng dẫn của bộ, ngành trung ương, căn cứ chức năng, nhiệm vụ, tình hình thực tế tại đơn vị, địa phương chủ động thực hiện, triển khai kế hoạch; định kỳ hàng năm (trước ngày 30/11) báo cáo UBND tỉnh tình hình thực hiện thông qua Sở Lao động - Thương binh và Xã hội để tổng hợp chung.

2. Sở Lao động – Thương binh và Xã hội phối hợp với Văn phòng UBND tỉnh có trách nhiệm đôn đốc, kiểm tra, báo cáo thường xuyên với Chủ tịch UBND tỉnh về tình hình triển khai thực hiện kế hoạch.

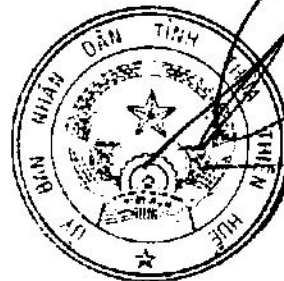
3. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, các sở, ngành, địa phương báo cáo UBND tỉnh thông qua Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tổng hợp để trình UBND tỉnh xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ LĐTBXH;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Các đơn vị nêu tại mục V;
- CVP. PCVP KGVX;
- Lưu: VT, XH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Đinh Khắc Đỉnh